

Bản án số 140/2024/DS - PT

Ngày 18/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng đổi đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quế.

**Các Thẩm phán:** Ông Lê Quý My và ông Hoàng Văn Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2024/TLPT - DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng đổi đất.

Do bản dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS - ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/QĐPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự;

**1. Nguyên đơn:** Ông Đào Văn X, sinh năm 1939;

Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Anh Đào Văn M, sinh năm 1967 (con trai ông X, anh M có mặt).

Đều cùng địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

**2. Bị đơn:** Ông Lê Xuân V, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Xóm Q, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Phùng Thị H, sinh năm 1954 (vợ ông V).

Địa chỉ: Xóm Q, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Tiến L, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ I, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3.2. Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1973 và vợ là bà Dương Thị D, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (đều vắng mặt tại

phiên toà).

3.3. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1976 (con gái ông V);

Địa chỉ: Xóm T, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên toà).

3.4. Chị Lê Thị T, sinh năm 1984 (con gái ông V);

Địa chỉ: Xóm X, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

3.5 Anh Lê Q, sinh năm 1979 (con trai ông V);

Địa chỉ: Xóm Q, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

3.6. Anh Đào Văn T1, sinh năm 1961 (con trai ông X vắng mặt).

3.7. Anh Đào Văn M, sinh năm 1967 (con trai ông X có mặt).

3.8. Anh Đào Văn B, sinh năm 1970 (con trai ông X có mặt).

3.9. Anh Đào Văn N, sinh năm 1972 (con trai ông X có mặt).

Đều cùng địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3.10. Chị Đào Thị S, sinh năm 1976 (con gái ông X có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

**4. Người làm chứng:** Chị Đào Thị N1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Đào Văn X và người đại diện theo ủy quyền của ông X là anh Đào Văn M trình bày: Trước năm 1993 gia đình ông X được Nhà nước giao đất canh tác và đến năm 1993 gia đình ông X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất hai lúa ở cánh đồng Cầu Gõ, xóm N thuộc thửa đất số 164 diện tích 428m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01 xã D mang tên ông Đào Thanh X1 (tức Đào Văn X) do UBND huyện P cấp ngày 10/11/1993.

Khoảng năm 1988, để tiện cho việc sản xuất, canh tác, gia đình ông X có đổi thửa ruộng trên cho gia đình ông Lê Xuân V để sử dụng. Thửa đất thuộc cánh đồng Sâu, xã D, thửa số 1097, tờ bản đồ số 5, diện tích 481,2m<sup>2</sup>. Khi đổi hai bên không làm giấy tờ mà chỉ thống nhất đổi bằng miệng để tiện canh tác. Năm 1993 ông X kê khai thửa ruộng ở Cầu G và được cấp bì đỏ mặc dù ông V đang canh tác. Năm 2000, Nhà nước cho làm lại sổ mới, gia đình ông X đã kê khai để cấp mới trong đó có thửa số 164, tờ bản đồ số 01, thửa mới là thửa 1623, tờ bản đồ số 5 (bản đồ địa chính). Tuy nhiên do đất thổ cư cần phải bổ sung giấy tờ nên đã dừng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho gia đình ông X. Sau khi đổi đất gia đình ông X sử dụng thửa 1097, tờ bản đồ số 5, cánh đồng Sâu cho đến năm 2020 gia đình không sử dụng nữa mà chuyển sang canh tác thửa 1623 cho đến nay.

Đến năm 2003, gia đình ông được biết ông V đã kê khai thửa đất vào gia đình ông V và ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Phùng Thị H là vợ ông V tên thửa 1623, tờ bản đồ số 5, diện tích 477m<sup>2</sup>. Đối với thửa đất gia đình ông V đổi cho ông ở cánh đồng Sâu, gia đình ông không kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được biết thửa đất của gia đình ông X đã vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V thì ngày

16/08/2004, ông X đã trực tiếp sang nhà ông V để yêu cầu trả lại thửa đất thì ông V có viết lại cho ông X tờ giấy đề nghị với nội dung “Nay gia đình ông X muốn đổi lại gia đình ông đồng ý” nên gia đình ông X đã để cho ông V dùng thêm một thời gian. Năm 2013 gia đình ông X đã làm đơn lên xã yêu cầu giải quyết để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho gia đình nhưng không được giải quyết.

Nay ông X yêu cầu gia đình ông V đổi trả lại thửa đất số thửa 1623, tờ bản đồ số 5, diện tích 477m<sup>2</sup> cho gia đình nhà ông.

Bị đơn ông Lê Xuân V trình bày: Vào năm 1987 ông và ông Đào Văn X có đổi cho nhau thửa ruộng để tiện canh, tiện cư (do ruộng nhà ông sát gia đình ông X còn ruộng nhà ông Xuân sát gia đình nhà ông, còn tên số thửa, số tờ bản đồ ông không nhớ do thời gian đã lâu, chỉ biết thửa ruộng của gia đình ông đổi cho ông X có diện tích là một sào năm thước còn ruộng nhà ông Xuân đ cho gia đình ông là một sào bốn thước). Khi đổi ruộng chỉ là thỏa thuận đổi miệng với nhau, không làm giấy tờ gì. Từ năm 1987 đến nay ruộng ông đã đổi cho ông X thì gia đình ông X canh tác cây lúa còn ruộng ông nhận đổi từ gia đình ông X thì gia đình ông cũng canh tác cây lúa, không có tranh chấp với ai. Đến năm 2001 gia đình ông kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa ruộng đã đổi cho gia đình ông X và năm 2001 gia đình ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa ruộng đã đổi cho gia đình ông X mang tên bà Phùng Thị H là vợ ông có tên thửa là 1623, tờ bản đồ số 5 diện tích 464m<sup>2</sup> đất hai lúa. Đến khoảng năm 2004 ông X có đến nhà ông nói chuyện lại với ông là không đồng ý đổi ruộng cho nhau nữa và muốn đòi lại thửa ruộng đã đổi cho ông. Khi đó ông cũng nhất trí và cũng viết một tờ giấy cho ông X với nội dung là cũng đồng ý đổi lại ruộng cho nhau nhưng ông nói với ông X là nếu muốn đổi lại ruộng như cũ thì gia đình ông X phải thực hiện ngay vì thửa ruộng ông đổi với ông X đã sang tên bìa đỏ của gia đình ông rồi. Sau đó ông có nói lại với vợ con thì vợ con ông không nhất trí vì đất đã được cấp bìa đỏ mang tên vợ ông. Tuy nhiên, kể từ thời điểm đó thì gia đình ông X cũng không làm thủ tục gì để được cấp lại bìa đỏ, gia đình ông X vẫn sử dụng thửa đất đã đổi cho gia đình ông, còn gia đình ông vẫn sử dụng thửa đã được cấp bìa đỏ cho ông X. Khoảng hơn chục năm trước ông đã cho con gái ông canh tác thửa ruộng trên, đến năm 2020 do con gái ông nợ nần nên đã hỏi vợ chồng ông cho bán thửa ruộng trên để trả nợ. Vợ chồng ông nhất trí và đến ngày 26/8/2020 ông đã bán thửa đất trên cho anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1973, trú tại phố T, xã T, huyện P và hiện nay anh K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông X lại yêu cầu ông trả lại thửa ruộng đã đổi thì ông không nhất trí vì đã bán cho người khác và thửa ruộng đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh K.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khai:

- Bà Phùng Thị H trình bày: Bà là vợ của ông V bà nhất trí với ý kiến của ông

V.

- Ông Nguyễn Quốc K và bà Dương Thị D trình bày: Ông K, bà D1 với ông bà V, H tuy khác xã nhưng cũng biết nhau và nghe thấy thông tin ông bà V, H có thửa ruộng không có nhu cầu sử dụng nên ông, bà đã mua lại. Thời điểm ông, bà mua là năm 2018, có giấy viết tay, đến năm 2020 thì làm thủ tục sang tên cho ông. Việc nhà ông X và ông bà V, H đổi đất cho nhau như thế nào thì ông bà không biết. Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ông bà là đúng pháp luật, việc mua bán hoàn toàn ngay tình. Gia đình ông bà V, H có đòi lại thửa đất trên thì vợ chồng ông không nhất trí.

- Chị Lê Thị H1 trình bày: Chị là con gái ông Lê Xuân V có biết bố mẹ chị đổi cho ông X ở xóm bên một thửa ruộng từ năm 1981 đến nay. Quá trình sử dụng hai bên đều hoà thuận không có xích mích gì. Khi chị lớn lên lấy chồng thì bố mẹ cho chị xuất ruộng đó để sử dụng đến nay đã 25 năm. Lúc đó kinh tế khó khăn chị bán cho người khác và đã sang sổ cho anh K ở T. Chị nhất trí với ý kiến của bố mẹ chị.

- Anh Lê Q trình bày: Anh là con trai của ông V. Bố mẹ anh đổi đất như thế nào anh không được biết do lúc đó còn nhỏ. Anh chỉ biết bố mẹ anh vẫn canh tác ổn định. Quan điểm của anh thống nhất với ý kiến của bố mẹ và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh.

- Chị Lê Thị T trình bày: Chị là con gái của ông V, bà H, nay ông X khởi kiện chị nhất trí với lời khai và quan điểm của ông V, bà H.

- Anh Đào Văn B trình bày: Anh là con ông Đào Văn X, bà Vũ Thị N2 (đã chết). Khi bố anh và ông V nói chuyện đổi đất với nhau thế nào anh không biết. Đến khoảng năm 2004, anh được biết hai gia đình đã đổi đất cho nhau. Hai bên sử dụng thửa đất đã đổi cho nhau, anh nghe nói là đổi để tiện canh tác chứ không phải đổi vĩnh viễn. Còn các bên cấp bì đồ thế nào anh cũng không được biết do đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về. Quan điểm của anh nhất trí với quan điểm của bố anh và anh M.

- Anh Đào Văn N, Đào Văn M và chị Đào Thị S trình bày: Gia đình ông X và gia đình ông V, bà H có đổi cho nhau 1 mảnh ruộng để tiện canh tác nhưng ông V và bà H đã tự ý vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mảnh ruộng của gia đình ông X mà không được sự đồng ý của gia đình ông X. Gia đình đã đòi thì ông V cũng ghi cho gia đình ông X một giấy là khi nào gia đình đòi lại thì ông V sẽ trả lại. Đến nay gia đình đòi lại thì ông V không chịu trả lại. Hiện mảnh đất này gia đình các anh chị đang canh tác. Các anh chị nhất trí với ý kiến của ông Đào Văn X uỷ quyền cho anh Đào Văn M giải quyết tranh chấp này. Khi anh N, chị S vắng mặt vẫn đồng ý với ý kiến của anh M.

Người làm chứng chị Đào Thị N1 trình bày: Chị N1 là vợ anh Nguyễn Văn T2 là cháu của ông C thông gia với ông V, có họ hàng xa với nhà ông X. Hiện nay chị đang sử dụng thửa đất 1097, tờ bản đồ số 5, diện tích 481,2m<sup>2</sup>, địa chỉ: Cánh Đ,

xã D, huyện P từ năm 2022, thời điểm trước đó là do gia đình ông X canh tác sử dụng, lý do sử dụng là ruộng bỏ không nên chị đã xin mạ để cấy lúa. Bản thân trước khi sử dụng không biết là của ai. Đến nay ông X khởi kiện ông V về việc đổi đất giữa thửa 1097 và thửa 1623, tờ bản đồ số 5, Dương Thành c không có ý kiến gì, chị xác định thửa ruộng này không phải của gia đình chị nên sẽ trả lại ruộng khi Toà án giải quyết xong.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ và kết quả đo vẽ thể hiện:

- Theo bản đồ 299, thửa 1097, TĐĐ số 5, diện tích theo hiện trạng = 481,2m<sup>2</sup>, địa chỉ: xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đất chưa cấp GCNQSD đất. Giá trị tài sản được Hội đồng định giá là 36.090.000đồng (ba mươi sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng)

Tại biên bản xác minh ngày 8/7/2022 tại UBND xã D, địa phương cho biết: Năm 1990 gia đình ông X có thửa đất ruộng, tại địa phương không còn lưu trữ bản đồ 299 và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bản đồ 299 nay là thửa 1623 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phùng Thị H có đổi với thửa đất số 1097. Từ khi đổi cho nhau đến năm 2020 gia đình ông X vẫn canh tác thửa 1097 của hộ ông V, còn gia đình ông V canh tác, sử dụng thửa 1623 của ông X, năm 2001 hộ ông V đã được cấp giấy đổi với thửa 1623. Còn với thửa 1097 qua kiểm tra sổ mục kê và sổ quản lý ruộng đất của xã thửa 1097 chưa quy chủ, chưa ghi tên ai là chủ sử dụng đất. Thửa 1623 ông bà V hiện nay đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Quốc K và anh K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi các bên đổi đất cho nhau không có phát sinh tranh chấp gì. Đến năm 2020 thì hộ ông X mới có đơn yêu cầu ông V trả lại đất tại xã.

Công văn số 239 ngày 25/10/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện P và công văn số 35 ngày 12/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T phúc đáp Toà án nội dung là không tìm thấy tài liệu để đối soát thửa 164, tờ 01 (bản đồ 299) với thửa 1623 tờ bản đồ địa chính số 5 có phải là 1 thửa hay không.

Với nội dung trên tại bản án số 12/2024/DS - ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131, 133 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 42, 73 Luật đất đai 1993; Án lệ số 15/2017/AL ngày 14/12/2017; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn X về việc buộc ông Lê Xuân V phải đổi trả lại thửa đất 1623, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về chi phí tố tụng: Do ông X không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên

phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng, ông X đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2024 ông Đào Văn X và con trai là anh Đào Văn M có đơn kháng cáo đề nghị giải quyết lại vụ án và cho gia đình ông được quyền sử dụng thửa đất số 1623 mà nhà nước đã giao cho gia đình ông.

Tại phiên toà phúc thẩm người được ông X uỷ quyền vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Đào Văn X giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2024/DS - ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Khoảng năm 1987, gia đình ông X và gia đình ông V có thống nhất đổi ruộng cho nhau để tiện canh tác, theo đó gia đình ông X sử dụng thửa ruộng ở cánh đồng Sâu là thửa 1097, còn gia đình ông V sử dụng thửa ruộng ở cánh đồng Cầu Gõ, là thửa 1623, tờ bản đồ số 5 bản đồ địa chính xã D. Việc đổi chỉ thoả thuận miệng, sau khi đổi hai gia đình đã trực tiếp canh tác trên các thửa ruộng đổi cho nhau. Năm 1993, gia đình ông X kê khai làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất, nhưng vẫn kê khai thửa ruộng đã đổi cho gia đình ông V và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa số 164, tờ bản đồ số 1, bản đồ 299 xã D. Năm 2001, thực hiện chủ trương cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông X đã thực hiện kê khai lại để cấp giấy chứng nhận nhưng do có vướng mắc về phần đất thổ cư nên chưa được cấp lại. Đối với gia đình ông V đã thực hiện kê khai thửa đất nhận đổi của ông X và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 1623.

[2]. Đối với thửa đất ông V đổi cho ông X, theo xác minh của Toà án cấp sơ thẩm tại UBND xã D xác định là thửa 1097, theo sổ mục kê và sổ quản lý ruộng đất chưa quy chủ, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, hai bên đương sự đều thừa nhận khoảng năm 1987, gia đình ông X và gia đình ông V có thực hiện đổi đất cho nhau để tiện canh tác, việc đổi không được lập thành văn bản mà chỉ thoả thuận miệng với nhau, sau khi đổi hai gia đình đã trực tiếp canh tác trên các thửa ruộng đã đổi đến khi phát sinh tranh chấp. Theo ông X trình bày, thửa ruộng mà ông Xuân đổi cho ông V trước đây là thửa 164, bản đồ 299, nay là

thửa số 1623. Tại Công văn số 35/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 120/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T trả lời : “*Không tìm thấy tài liệu để đối soát được thửa 164, tờ 01, diện tích 428m<sup>2</sup>, đất 2 lúa với thửa đất số 1623, tờ bản đồ địa chính số 5, diện tích 446m<sup>2</sup>, đất 2 lúa, địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên*”. Do đó, không đủ căn cứ để xác định thửa số 164, tờ bản đồ số 1 bản đồ 299 và thửa số 1623, tờ bản đồ số 5 có phải là cùng một thửa hay không. Tuy nhiên, căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ và đo đạc, các bên đương sự đã xác định hai thửa đất đối cho nhau là thửa 1623 và thửa 1097. Như vậy ông X có quyền kê khai để cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3]. Tại thời điểm đổi đất, các đương sự chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đất không có tranh chấp, hai bên tự nguyện đổi đất trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Sau khi đổi, hai bên đã sử dụng thửa ruộng đổi để canh tác nông nghiệp ổn định, liên tục từ năm 1987 đến năm 2019, nay ông X đòi lại là không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Đào Văn X giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2024/DS - ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn X giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2024/DS - ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Đào Văn X có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1993 và có quyền kê khai thửa đất 1097 với cơ quan có thẩm quyền để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Đào Văn X do là người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- UBND huyện Phú Bình;
- UBND xã Dương Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM  
THÂM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Quế**



